KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2017/QĐ-KTNN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Kiểm toán nhà nước Quyết định về việc ban hành Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 03/2011/QĐ-KTNN ngày 09/12/2011 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc ban hành Quy chế thuê hoặc ủy thác doanh nghiệp kiểm toán.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Hồ Đức Phớc

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
ỦY THÁC HOẶC THUÊ DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-KTNN ngày 15/8/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc Kiểm toán nhà nước thực hiện việc ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán các cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước; quy định về quyền hạn, trách nhiệm của các bên liên quan đến ủy thác hoặc thuê kiểm toán; quy định phạm vi ủy thác hoặc thuê kiểm toán; điều kiện các doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán; quy định về Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán và thủ tục, trình tự lựa chọn doanh nghiệp thực hiện kiểm toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Kiểm toán nhà nước; các doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán và các bên có liên quan đến hoạt động ủy thác hoặc thuê kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ủy thác kiểm toán* là việc Kiểm toán nhà nước giao cho doanh nghiệp kiểm toán với danh nghĩa của Kiểm toán nhà nước thực hiện toàn bộ cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực, quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước hoặc các chuẩn mực, quy trình kiểm toán được Kiểm toán nhà nước chấp nhận.

2. *Thuê doanh nghiệp kiểm toán* là việc Kiểm toán nhà nước thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán một số nội dung, một số đơn vị được kiểm

toán trong Kế hoạch kiểm toán theo các chuẩn mực, quy trình kiểm toán và quy định quản lý, chuyên môn của Kiểm toán nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Chỉ ủy thác hoặc thuê kiểm toán đối với những đối tượng kiểm toán thuộc phạm vi ủy thác hoặc thuê kiểm toán theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Chỉ thực hiện ủy thác hoặc thuê kiểm toán đối với những doanh nghiệp kiểm toán đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Việc ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán được thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán.

4. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán chịu trách nhiệm trước Kiểm toán nhà nước và pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của số liệu, tài liệu và kết luận kiểm toán của mình. Kiểm toán nhà nước quyết định việc sử dụng và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát số liệu, tài liệu và kết luận, kiến nghị kiểm toán do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện.

5. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán chịu trách nhiệm bảo mật tài liệu, số liệu và các thông tin về hoạt động của đơn vị được kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước và quy định của pháp luật.

6. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán không được ủy thác hoặc thuê lại cho bên thứ ba.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định tại Hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán, Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán có nghĩa vụ chấp hành sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và chất lượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

3. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Kiểm toán nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước.

Điều 6. Thành lập hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước thành lập Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán để tư vấn cho Tổng Kiểm toán nhà nước lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện, năng lực thực hiện ủy thác hoặc thuê kiểm toán.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm:

a) Tổng Kiểm toán nhà nước hoặc Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có nhu cầu ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán - Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện Văn phòng Kiểm toán nhà nước (01 Lãnh đạo văn phòng làm thành viên thường trực; 01 Lãnh đạo Phòng làm thành viên thư ký);

c) Đại diện Lãnh đạo Vụ Tổng hợp -Thành viên;

d) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán - Thành viên;

đ) Đại diện Lãnh đạo Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán - Thành viên;

e) Đại diện Lãnh đạo Vụ Pháp chế - Thành viên.

Điều 7. Kinh phí ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán

Hàng năm, căn cứ nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán, Kiểm toán nhà nước lập dự toán kinh phí ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán. Kinh phí ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Kiểm toán nhà nước hoặc dự toán bổ sung trường hợp phát sinh nhiệm vụ đột xuất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Phạm vi ủy thác hoặc thuê kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước được ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán các cơ quan, tổ chức (trừ các cơ quan, tổ chức thuộc Khoản 2 Điều này):

a) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư có nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí ODA, NGO (khi có yêu cầu);

d) Hội, liên hiệp hội, tổng hội và các tổ chức khác được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động;

đ) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, doanh nghiệp có góp vốn của nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở xuống; doanh nghiệp quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công;

e) Các đơn vị nhận trợ giá, trợ cấp của Nhà nước, đơn vị có nợ vay được Nhà nước bảo lãnh;

f) Các cơ quan, tổ chức khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

2. Kiểm toán nhà nước không ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán các cơ quan, tổ chức sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác của trung ương;

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước các cấp;

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan khác của địa phương;

d) Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Đơn vị quản lý quỹ dự trữ của Nhà nước, quỹ dự trữ của các ngành, các cấp, quỹ tài chính khác của Nhà nước;

e) Tổ chức quản lý tài sản quốc gia;

f) Tổ chức chính trị;

g) Các cơ quan, tổ chức sử dụng, quản lý tài chính công, tài sản công thuộc bí mật nhà nước.

Điều 9. Điều kiện các doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán

Doanh nghiệp kiểm toán được xem xét, lựa chọn ủy thác hoặc thuê kiểm toán phải có đủ các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp kiểm toán đã đủ điều kiện hoạt động hợp pháp, được chấp thuận có tên trong danh sách công khai của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Ngân hàng thế giới (WB) lựa chọn hàng năm.

2. Trong 03 năm trước liền kề không có sai phạm bị cơ quan nhà nước hoặc Hội nghề nghiệp về kiểm toán xử lý liên quan đến chất lượng kiểm toán.

3. Doanh nghiệp kiểm toán trong năm hiện tại và trong 02 năm trước liền kề không thực hiện dịch vụ ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, dịch vụ kiểm toán nội bộ, định giá tài sản, tư vấn quản lý, tư vấn tài chính cho khách hàng là đơn vị

được kiểm toán mà Kiểm toán nhà nước ủy thác hoặc thuê kiểm toán; không thực hiện các dịch vụ trên trong thời kỳ được kiểm toán thuộc nội dung kiểm toán mà Kiểm toán nhà nước ủy thác hoặc thuê kiểm toán.

4. Người quản lý, điều hành của doanh nghiệp kiểm toán không phải là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị được kiểm toán hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính khác với đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

5. Người có trách nhiệm quản lý, điều hành của doanh nghiệp kiểm toán không có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên, cổ đông sáng lập hoặc mua cổ phần, góp vốn và có ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được kiểm toán hoặc là người có trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán.

6. Người có trách nhiệm quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát hoặc kế toán trưởng của đơn vị được kiểm toán không được đồng thời là người góp vốn và có ảnh hưởng đáng kể đối với doanh nghiệp kiểm toán.

7. Doanh nghiệp kiểm toán và đơn vị được kiểm toán không có cùng một cá nhân hoặc doanh nghiệp, tổ chức thành lập hoặc tham gia thành lập.

Điều 10. Thủ tục và trình tự lựa chọn

1. Khi có nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán, Kiểm toán nhà nước công bố đối tượng kiểm toán cần ủy thác hoặc thuê kiểm toán; thủ tục, hồ sơ đăng ký nhận ủy thác hoặc thuê kiểm toán theo quy định của Luật Đấu thầu.

2. Doanh nghiệp kiểm toán có đủ điều kiện quy định tại Điều 9 của Quy chế này, có nhu cầu nhận thực hiện ủy thác hoặc thuê kiểm toán đăng ký với Kiểm toán nhà nước (qua Văn phòng Kiểm toán nhà nước). Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị được ủy thác hoặc thuê kiểm toán;

b) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đầu tư) và Điều lệ công ty;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Danh sách khách hàng trong 03 năm gần nhất;

đ) Danh sách Kiểm toán viên đăng ký có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề của Bộ Tài chính cấp kèm theo sơ yếu lý lịch, trong đó tóm tắt quá trình làm việc của kiểm toán viên hành nghề và giám đốc doanh nghiệp kiểm toán;

e) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

3. Căn cứ vào đối tượng và nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán, danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đăng ký, Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán xem xét, trình Tổng Kiểm toán nhà nước danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện. Văn phòng Kiểm toán nhà nước chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán giúp Tổng Kiểm toán nhà nước tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 11. Hợp đồng ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán

1. Kiểm toán nhà nước và doanh nghiệp kiểm toán thực hiện ký hợp đồng về ủy thác hoặc thuê thực hiện kiểm toán. Hợp đồng có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của bên ủy thác hoặc thuê kiểm toán và bên được ủy thác hoặc thuê kiểm toán (tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, Fax, tài khoản giao dịch, người đại diện...);

b) Nội dung ủy thác hoặc thuê kiểm toán (mục tiêu, đối tượng, phạm vi (nội dung, thời kỳ kiểm toán, đơn vị được kiểm toán)… mà Kiểm toán nhà nước ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán);

c) Quy định về chuyên môn: chuẩn mực, quy trình kiểm toán áp dụng; quy định về đạo đức kiểm toán viên, quy định về giám sát hoạt động kiểm toán, quy định về kiểm soát chất lượng kiểm toán...;

d) Trách nhiệm, quyền hạn của các bên;

đ) Kết quả thực hiện hợp đồng (Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu kiểm toán, các tài liệu ghi chép của Kiểm toán viên, bằng chứng kiểm toán,...);

e) Phí ủy thác hoặc thuê kiểm toán và phương thức thanh toán;

f) Cam kết thực hiện và thời hạn hoàn thành; thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng;

g) Hiệu lực và thời hạn hợp đồng;

h) Các điều khoản khác (nếu có).

2. Mẫu hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán do Kiểm toán nhà nước quy định.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán nhà nước

1. Trách nhiệm:

a) Ban hành Quyết định kiểm toán;

b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên thuộc doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán (gọi tắt là Kiểm toán viên);

c) Thanh toán đầy đủ, kịp thời phí ủy thác hoặc thuê kiểm toán theo thỏa thuận trong hợp đồng;

d) Kiểm tra, giám sát thực hiện theo Điều 16 của Quy chế này;

đ) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời kế hoạch kiểm toán, số liệu, kết luận kiểm toán và các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán;

b) Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán thay thế kiểm toán viên hành nghề khi có dấu hiệu cho thấy thành viên đó vi phạm chuẩn mực, quy trình kiểm toán, quy định quản lý chuyên môn hoặc vi phạm các quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán; kiểm tra, xét duyệt Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán của doanh nghiệp theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

d) Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán giải trình bằng văn bản về những vấn đề được nêu trong dự thảo Kế hoạch kiểm toán, Báo cáo kiểm toán, Biên bản kiểm toán nếu thấy chưa rõ, chưa phù hợp;

đ) Yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán bồi thường trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán gây thiệt hại cho đơn vị được kiểm toán và cho Kiểm toán nhà nước;

e) Đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán vi phạm hợp đồng;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp kiểm toán nhận ủy thác hoặc thuê kiểm toán

1. Trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm toán theo Hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán và tuân thủ các quy định chuyên môn đã được ghi trong hợp đồng:

- Trường hợp thuê thực hiện kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán phải tuân thủ chuẩn mực, quy trình kiểm toán và các quy định quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của Kiểm toán nhà nước.

- Trường hợp ủy thác thực hiện kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán phải tuân thủ chuẩn mực, quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước hoặc chuẩn mực, quy trình kiểm toán được Kiểm toán nhà nước chấp nhận;

b) Bố trí kiểm toán viên có trình độ chuyên môn phù hợp để đảm bảo chất lượng kiểm toán. Không bố trí kiểm toán viên thực hiện kiểm toán trong các trường hợp sau:

- Mua cổ phần, góp vốn hoặc có quan hệ về lợi ích kinh tế với đơn vị được kiểm toán.

- Đã từng giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán tại đơn vị được kiểm toán của các năm tài chính được kiểm toán.

- Trong thời hạn ít nhất là 05 năm, kể từ khi thôi giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán tại đơn vị được kiểm toán.

- Có quan hệ là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột với người đứng đầu, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán của đơn vị được kiểm toán.

- Đã từng có sai phạm bị cơ quan nhà nước hoặc Hội nghề nghiệp về kiểm toán xử lý liên quan đến chất lượng kiểm toán;

c) Bồi thường thiệt hại do lỗi mà kiểm toán viên hành nghề hoặc người của doanh nghiệp mình gây ra cho đơn vị được kiểm toán, Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm toán;

d) Thông báo kịp thời với Kiểm toán nhà nước khi phát hiện đơn vị được kiểm toán có dấu hiệu vi phạm pháp luật về kinh tế, tài chính, kế toán;

đ) Thông báo kịp thời với Kiểm toán nhà nước khi đơn vị được kiểm toán và các tổ chức cá nhân có liên quan trong các trường hợp có các hành vi sau:

- Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho cuộc kiểm toán theo yêu cầu của doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên.

- Cản trở công việc của Kiểm toán viên.

- Báo cáo sai lệch, không trung thực, không đầy đủ, kịp thời hoặc thiếu khách quan thông tin liên quan đến cuộc kiểm toán.

- Mua chuộc, đưa hối lộ cho doanh nghiệp kiểm toán, Kiểm toán viên.

- Che giấu các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính công, tài sản công.

- Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm toán, kết quả kiểm toán của Kiểm toán viên;

e) Cung cấp các thông tin về kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán và hồ sơ, tài liệu kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước;

f) Khai báo kịp thời, trung thực với Kiểm toán nhà nước nếu thuộc các trường hợp làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan quy định tại Điều 9 của Quy chế này;

g) Chấp hành các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước về việc báo cáo, kiểm tra, giám sát;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán.

2. Quyền hạn:

a) Được quyền độc lập về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện các dịch vụ đã được ghi trong hợp đồng thuê, ủy thác kiểm toán;

b) Nhận phí dịch vụ từ Kiểm toán nhà nước;

c) Trong quá trình thực hiện kiểm toán:

- Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; kiểm kê tài sản, đối chiếu, xác minh công nợ của đơn vị được kiểm toán liên quan đến nội dung kiểm toán.

- Đề nghị tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm toán trong phạm vi kiểm toán để thu thập bằng chứng kiểm toán.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Kiểm toán viên thuộc doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán

1. Kiểm toán viên thuộc doanh nghiệp kiểm toán được thuê khi thực hiện kiểm toán có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1.1. Trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công; đưa ra ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán trên cơ sở thu thập đầy đủ và đánh giá các bằng chứng kiểm toán thích hợp;

b) Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc hoạt động, chuẩn mực, quy trình Kiểm toán nhà nước, quy tắc ứng xử của kiểm toán viên và các quy định khác có liên quan của Kiểm toán nhà nước;

c) Chịu trách nhiệm trước Tổng Kiểm toán nhà nước và trước pháp luật về những bằng chứng, đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị của mình;

d) Thu thập bằng chứng kiểm toán và các tài liệu làm việc khác theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

đ) Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm toán;

e) Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Kiểm toán viên phải xuất trình giấy giới thiệu, giấy chứng nhận đăng ký hành nghề do Bộ Tài chính cấp và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước;

f) Khai báo kịp thời và đầy đủ với người đứng đầu doanh nghiệp kiểm toán và người ra quyết định thành lập Đoàn kiểm toán khi có trường hợp quy định tại Điều 28 của Luật Kiểm toán nhà nước và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên;

g) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.2. Quyền hạn:

a) Độc lập về chuyên môn nghiệp vụ;

b) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Kiểm tra, xác nhận các thông tin kinh tế, tài chính có liên quan đến nội dung kiểm toán ở trong và ngoài đơn vị trong quá trình thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước;

d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung kiểm toán theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước;

đ) Quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước.

2. Kiểm toán viên của doanh nghiệp được ủy thác kiểm toán khi thực hiện kiểm toán có trách nhiệm và quyền hạn như trường hợp được thuê kiểm toán ở Mục 1 Điều 14 Quy chế này, đồng thời tuân thủ theo quy định tại Luật Kiểm toán độc lập và các chuẩn mực, quy trình được Kiểm toán nhà nước chấp nhận.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán

Đơn vị được kiểm toán có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 56 và Điều 57 của Luật Kiểm toán nhà nước, cụ thể như sau:

1. Quyền của đơn vị được kiểm toán:

a) Yêu cầu Đoàn kiểm toán xuất trình quyết định kiểm toán, Kiểm toán viên xuất trình giấy giới thiệu, giấy chứng nhận đăng ký hành nghề do Bộ Tài chính cấp và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước;

b) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm toán; đề nghị thay thế thành viên Đoàn kiểm toán khi có bằng chứng cho rằng thành viên đó không trung thực, khách quan trong khi làm nhiệm vụ hoặc thuộc trường hợp không được bố trí làm thành viên Đoàn kiểm toán theo quy định tại Điều 28 của Luật Kiểm toán nhà nước;

c) Giải trình bằng văn bản về những vấn đề được nêu trong dự thảo báo cáo kiểm toán nếu xét thấy chưa phù hợp;

d) Khiếu nại về hành vi của thành viên Đoàn kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật;

đ) Khiếu nại về đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán trong báo cáo kiểm toán khi có căn cứ cho rằng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đó là trái pháp luật;

e) Yêu cầu Kiểm toán nhà nước bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây thiệt hại cho đơn vị được kiểm toán theo quy định của pháp luật;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán:

a) Chấp hành quyết định kiểm toán;

b) Lập và gửi đầy đủ, kịp thời báo cáo tài chính, báo cáo tình hình thực hiện, quyết toán vốn, quản lý dự án đầu tư; kế hoạch thu, chi; báo cáo tình hình chấp hành và quyết toán ngân sách cho Đoàn kiểm toán theo yêu cầu;

c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện việc kiểm toán theo yêu cầu của Doanh nghiệp kiểm toán và Kiểm toán viên và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin, tài liệu đã cung cấp;

d) Trả lời và giải trình đầy đủ, kịp thời các vấn đề do Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên yêu cầu liên quan đến nội dung kiểm toán;

đ) Ký biên bản kiểm toán;

e) Thực hiện đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; thực hiện biện pháp để khắc phục yếu kém trong hoạt động của mình theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện kết luận, kiến nghị đó cho Kiểm toán nhà nước;

f) Trong thời gian giải quyết khiếu nại, đơn vị được kiểm toán vẫn phải thực hiện đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, trừ trường hợp Tổng Kiểm toán nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước

1. Trách nhiệm của các đơn vị tham mưu:

a) Văn phòng Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và dự toán ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán từ các đơn vị có nhu cầu sử dụng để lập dự toán kinh phí ủy thác hoặc thuê kiểm toán chung toàn ngành trình các cấp có thẩm quyền quyết định; là thường trực Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán; chủ trì phối hợp với đơn vị có nhu cầu ủy thác hoặc thuê kiểm toán tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu trình Tổng Kiểm toán nhà nước phê duyệt; phối hợp với đơn vị có nhu cầu sử dụng cộng tác viên tham mưu

cho Tổng Kiểm toán nhà nước về nội dung hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán; ký hợp đồng với doanh nghiệp kiểm toán theo danh sách đã được Tổng Kiểm toán nhà nước phê duyệt; theo dõi việc thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng (sau khi Báo cáo kiểm toán phát hành);

b) Vụ Tổng hợp có tránh nhiệm tham gia Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán, thẩm định Kế hoạch kiểm toán tổng quát, Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán và thẩm định kết quả kiểm toán trước khi nghiệm thu;

c) Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán có trách nhiệm tham gia Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán, thẩm định Kế hoạch kiểm toán tổng quát; thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng kiểm toán và hồ sơ kiểm toán theo Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán và yêu cầu của Tổng Kiểm toán nhà nước;

d) Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định tính hợp pháp của Hợp đồng ủy thác hoặc thuê kiểm toán, thẩm định Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán và thẩm định kết quả kiểm toán trước khi nghiệm thu.

2. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có nhu cầu ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán:

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán đối với các cuộc kiểm toán hay nội dung kiểm toán, các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước đề xuất nhu cầu ủy thác hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán kèm theo phương án (nêu rõ yêu cầu) và dự toán kinh phí trình Tổng Kiểm toán nhà nước (qua Văn phòng Kiểm toán nhà nước). Trường hợp phát sinh đột xuất, các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước phải có công văn trình Tổng Kiểm toán nhà nước bổ sung;

b) Tham gia Hội đồng thẩm định doanh nghiệp kiểm toán; thẩm định Kế hoạch kiểm toán tổng quát; theo dõi, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng kiểm toán, thẩm định Biên bản kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện theo phân cấp của Kiểm toán nhà nước;

c) Chủ trì và phối hợp với Văn phòng Kiểm toán nhà nước, doanh nghiệp kiểm toán được ủy thác hoặc thuê kiểm toán nghiệm thu kết quả kiểm toán làm cơ sở để Văn phòng Kiểm toán nhà nước làm thủ tục thanh lý hợp đồng.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán để tập hợp báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Hồ Đức Phớc